

CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (Upcom - QTP)



GIỮ, Giá mục tiêu: 19.500 VND

Chúng tôi khuyến nghị GIỮ cổ phiếu QTP với giá mục tiêu 12 tháng ở mức 19.500 đồng dựa trên các luận điểm chính: 1) Hiệu quả kinh doanh tăng lên khi chi phí khấu hao và tài chính giảm xuống; 2) Chính sách cổ tức tiền mặt hấp dẫn trong những năm tới khi lợi nhuận tăng; 3) Nhu cầu hệ thống điện dự báo tăng mạnh trở lại từ 2022 khi dịch Covid được kiểm soát.

Cập nhật kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021

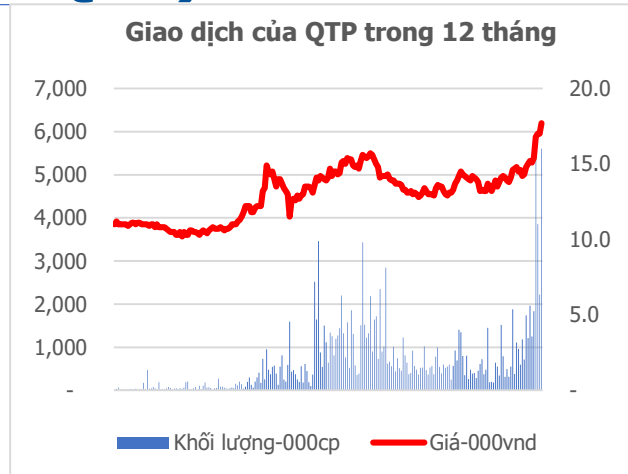
- **Sản lượng điện sản xuất đạt 106% kế hoạch:** Trong 6 tháng đầu năm, trong bối cảnh thị trường điện vận hành có nhiều khó khăn do các nguồn điện tăng lên, đặc biệt là nguồn năng lượng tái tạo, gây áp lực lớn nên các nhà máy nhiệt điện than (có thời điểm điều tiết điện lực phải cắt giảm huy động điện than theo kế hoạch), khó khăn trong tổ chức sản xuất khi dịch covid vẫn diễn biến phức tạp. Mặc dù vậy, sản lượng điện sản xuất đạt 3,66 tỷ kwh, hoàn thành 106% kế hoạch 6 tháng và 51% kế hoạch cả năm.
- **Doanh thu 6 tháng đầu năm hoàn thành 51.2% kế hoạch năm:** Doanh thu đạt 4.265 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán điện đạt 4.258 tỷ đồng, bằng 85.4% svck 2020, doanh thu tăng chậm do sản lượng điện và giá bán điện trong kỳ giảm. Chi phí giá vốn trong kỳ giảm nhanh do chi phí khấu hao giảm cùng với kiểm soát tốt chi phí nhiên liệu dẫn đến lợi nhuận gộp tăng mạnh trong kỳ. Lợi nhuận gộp đạt 438 tỷ đồng, tăng mạnh 95%, biên lợi nhuận gộp đạt 10.2% so với mức 4.5% cùng kỳ 2020.
- **Chi phí tài chính giảm mạnh 44%:** chi phí tài chính đạt 105 tỷ đồng, giảm mạnh 44% nhờ chi phí lãi vay giảm 66 tỷ đồng và không phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá, do tỷ giá USD/VND giảm trong kỳ.
- **Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đạt 97.6% kế hoạch năm:** Do lợi nhuận gộp tăng, chi phí tài chính giảm và kiểm soát tốt chi phí quản lý, lợi nhuận trước thuế đạt 327 tỷ đồng, hoàn thành đến 97.6% kế hoạch năm và tăng 14 lần so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 311 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 690 đồng.
- **Trong kỳ công ty tiếp tục trả thêm 953 tỷ đồng nợ vay:** đưa tổng dư nợ vay giảm xuống còn 2.785 tỷ đồng, trong đó 1.890 tỷ đồng nợ bằng USD. Công ty sẽ tiếp tục cân đối dòng tiền và trả hết nợ vay đầu tư trong 2 năm tới.

Dự báo cả năm 2021

- Trong quý 3, là mùa thấp điểm của các nhà máy nhiệt điện, từ đầu tháng 8, công ty đã thực hiện đại tu tổ máy 4 trong thời gian dự kiến 70 ngày. Sản lượng điện sản xuất dự kiến đạt 1.5 tỷ kwh.
- Chúng tôi dự báo sản lượng điện cả năm sẽ đạt mức 7.150 triệu kwh, hoàn thành 100% kế hoạch năm. Tổng doanh thu cả năm đạt mức 9.265 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 750 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 1.584 đồng.

Định giá cổ phiếu

Kết hợp phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền vốn chủ sở hữu và so sánh PE-PB, giá trị cổ phiếu QTP được xác định ở mức 19.500 đồng.



| | 1T | 3T | 6T | 12T |
|----------------|-------|-------|-------|-------|
| QTP | 31.1% | 36.2% | 31.1% | 60.9% |
| VNIndex | 10.6% | 8.9% | 17.2% | 61.5% |

| | |
|---|-------------------------------|
| Giá hiện tại (19/8/2021) | 17.700 VND |
| Giá mục tiêu 12 tháng | 19.500 VND |
| Upside (%) | 10% |
| Bloomberg | QTP VN Equity |
| Giá trị vốn hóa | 7.920 tỷ VND 343 triệu USD |
| Biến động giá 12 tháng(VND) | 10.200-17.700 |
| Khối lượng GDBQ trong 12 tháng (000cp/ngày) | 647 |
| Giá trị GDBQ trong 12 tháng (tỷ VND/ngày) | 9.3 |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 49.0% |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại(%) | 0.06% |

| Chi tiêu | Đơn vị | 2020A | 2021F | 2022F | 2023F | 2024F |
|-------------------------|---------|--------|--------|-------|--------|--------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 9,182 | 9,265 | 9,862 | 10,018 | 10,176 |
| - Tăng trưởng doanh thu | % | -9.3% | 0.9% | 6.4% | 1.6% | 1.6% |
| Lợi nhuận gộp | Tỷ đồng | 1,834 | 1,021 | 1,186 | 1,404 | 1,528 |
| - Biên lợi nhuận gộp | % | 14.7% | 14.2% | 17.4% | 18.6% | 17.3% |
| EBIT | Tỷ đồng | 1,770 | 958 | 1,115 | 1,334 | 1,460 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,375 | 750 | 1,071 | 1,303 | 1,437 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,306 | 713 | 1,018 | 1,238 | 1,366 |
| Thu nhập mỗi cp-EPS | Đồng | 2,901 | 1,584 | 2,262 | 2,751 | 3,035 |
| Tăng trưởng EPS | % | 100.6% | -45.4% | 42.8% | 21.6% | 10.3% |
| Cổ tức mỗi cổ phần | Đồng | 1,000 | 1,000 | 1,500 | 1,500 | 1,500 |
| Tỷ suất cổ tức | % | 6.5% | 5.7% | 8.5% | 8.5% | 8.5% |
| P/E | Lần | 6.1 | 11.1 | 7.8 | 6.4 | 5.8 |
| P/B | Lần | 1.30 | 1.25 | 1.18 | 1.09 | 1.00 |
| EV/EBITDA | Lần | 3.7 | 3.8 | 4.0 | 4.1 | 3.8 |
| ROE | % | 21.4% | 11.2% | 15.2% | 17.1% | 17.2% |
| ROA | % | 12.4% | 7.3% | 10.9% | 13.7% | 14.0% |

Nguồn: QTP, Trung tâm nghiên cứu MBS

Điểm nhấn đầu tư

Nhà máy hoạt động ổn định – EVN huy động sản lượng điện ở mức cao

Là đơn vị phát triển nằm trong tứ giác phát triển kinh tế năng động của miền bắc gồm Quảng Ninh- Hải Phòng- Bắc Giang- Hà Nội, nhu cầu điện năng luôn ở mức cao nên công ty luôn được EVN xếp vào danh sách các nhà máy chạy nền, đáp ứng nhu cầu phụ tải, huy động phát điện ở công suất và sản lượng cao

Năm 2019 sản lượng điện đạt 7.580 triệu kwh, bằng 108% sản lượng thiết kế, năm 2020 sản lượng đạt 6.387 triệu kwh, bằng 89% sản lượng thiết kế do ảnh hưởng chung của dịch Covid19. Năm 2021, EVN dự kiến huy động sản lượng 7.172 triệu kwh từ QTP, trong 6 tháng đầu năm, mặc dù với tình hình vận hành thị trường điện có nhiều khó khăn cho nhiệt điện nhưng sản lượng của công ty vẫn đạt 3.660 triệu kwh hoàn thành 51.2% kế hoạch năm. Trong 6 tháng cuối năm, chúng tôi dự tính công ty sẽ hoàn thành được 3.490 triệu kwh, đưa sản lượng cả năm lên mức 7.150 triệu kwh.

Trong năm 2022, chúng tôi dự báo sản lượng điện của công ty sẽ đạt mức 7.200 triệu kwh, tăng 1% và duy trì trong các năm tiếp theo.

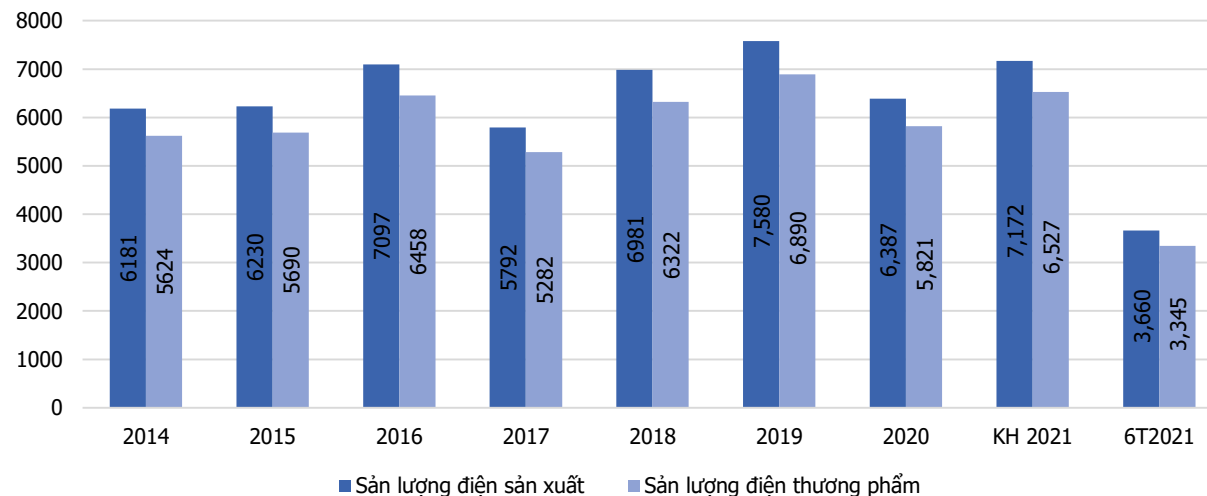
Hiệu quả kinh doanh tăng lên khi chi phí sản xuất và tài chính giảm

Năm 2020, công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đột biến với 1.375 tỷ đồng, nhờ hoạt động kinh doanh trong năm mang lại hiệu quả cao khi chi phí tài chính và chi phí khấu hao giảm (điều chỉnh chính sách khấu hao máy móc thiết bị từ 10 năm lên 15 năm, làm chi phí khấu hao giảm 750 tỷ đồng), cùng với đó là ghi nhận khoản lợi nhuận chênh lệch tỷ giá trong giá bán điện năm 2015 và 2018 là 568 tỷ đồng.

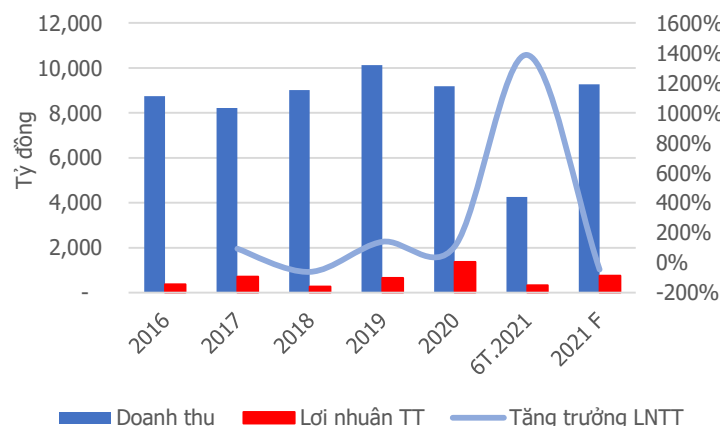
Chúng tôi cũng nhận thấy, nhà máy QN1 sau 10 năm hoạt động, MMTB đã được khấu hao gần hết và sẽ hết vào năm 2022, chi phí khấu hao MMTB năm 2022 sẽ chỉ còn khoảng 780 tỷ và đến năm 2023 là 530 tỷ, điều này làm cho hiệu quả kinh doanh tăng lên.

Chi phí tài chính cũng giảm đáng kể, năm 2020, chi phí tài chính giảm xuống còn 395 tỷ đồng, so với mức 857 tỷ đồng của năm 2018, điều này do chi phí lãi vay giảm khi Nợ vay giảm nhanh, cùng với đó là chi phí tỷ giá trong thời kỳ xây dựng đã được công ty phân bổ hết từ năm 2019. Chúng tôi dự báo chi phí tài chính năm 2021 ở mức 208 tỷ đồng, do trong năm công ty tiếp tục trả gốc nợ vay khoảng 1.300 tỷ đồng và ít chịu sức ép lỗ chênh lệch tỷ giá.

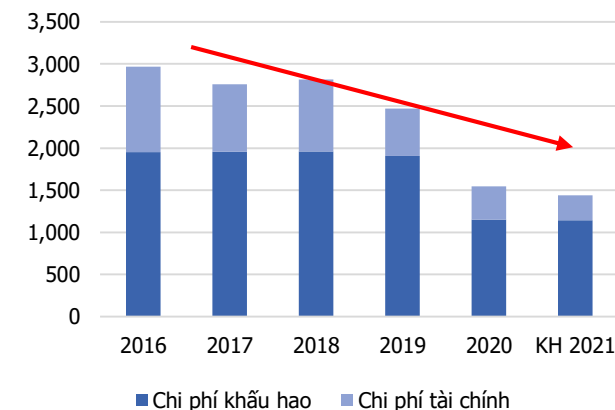
Sản lượng điện hàng năm (triệu kwh)



Doanh thu và lợi nhuận



Chi phí Khấu hao và Tài chính



CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (Upcom - QTP)



Điểm nhấn đầu tư

Nguồn lực tài chính ổn định cho phép công ty thực hiện chính sách cổ tức bằng tiền mặt hấp dẫn từ năm 2020

Tổng tài sản giảm đều do khấu hao tài sản cố định hàng năm. Cơ cấu tài sản cân đối khi công ty kiểm soát tốt khoản nợ phải thu, hàng tồn kho, trong khi nhà máy vận hành ổn định và khấu hao đều.

Bên nguồn vốn, Nợ vay giảm liên tục trong khi nguồn vốn chủ sở hữu được gia tăng. Nợ phải trả đến 6.2021 là 3.920 tỷ đồng, chiếm 40% tổng nguồn vốn, trong đó vay nợ ngắn và dài hạn là 2.785 tỷ đồng, bằng 28% tổng nguồn vốn. Chúng tôi dự tính Nợ vay ngắn và dài hạn tiếp tục giảm thêm 1.300 tỷ đồng trong năm 2021.

Dòng tiền hoạt động kinh doanh luôn đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ gốc hàng năm, trong khi hoạt động đầu tư chủ yếu là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn làm gia tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

Với khả năng tài chính tốt, chúng tôi dự báo công ty sẽ thực hiện chính sách cổ tức bằng tiền mặt hấp dẫn từ năm 2020 trở đi. Chúng tôi dự báo cổ tức 2020 trở đi sẽ được chi trả bằng tiền với mức từ 10%-15% mỗi năm.

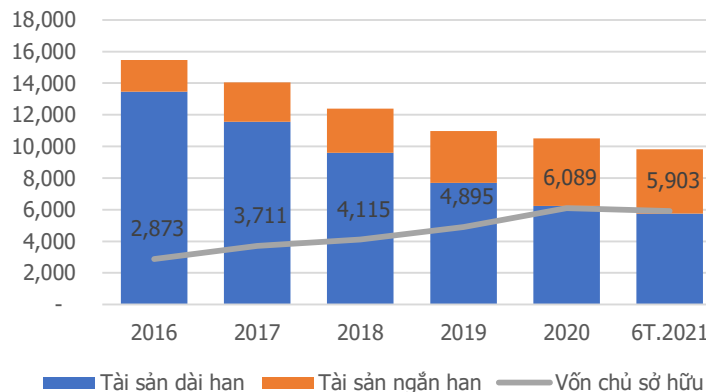
Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên:

Nhu cầu điện tăng mạnh 8.8% trong 6 tháng đầu năm 2021: Nhu cầu điện tăng chậm trong 2020 với 2.9%, nhưng tăng mạnh 8.8% trong 6 tháng đầu năm 2021 với sản lượng điện toàn hệ thống đạt 128,1 tỷ kwh.

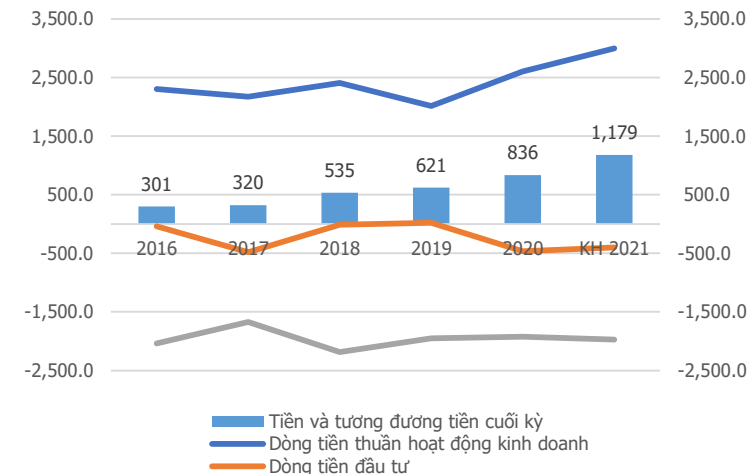
EVN đưa ra 2 kịch bản giai đoạn 2021-2025 với tăng trưởng lần lượt là 8.6% và 9.4%: giai đoạn 2021 - 2025, EVN dự báo 2 kịch bản nhu cầu phụ tải điện: Phương án cơ sở, tăng trưởng nhu cầu điện khoảng 8,6%/năm và Phương án cao là 9,4%/năm. Theo EVN, với hai kịch bản tăng trưởng này, hệ thống đảm điện sẽ bảo cung ứng đủ điện trong toàn bộ giai đoạn 2021 – 2025

Tăng trưởng kép 8.6% giai đoạn 2020-2025 và 7.8% giai đoạn 2025-2030: Theo Quy hoạch điện VIII đang được xây dựng, dự kiến đến 2025 công suất nguồn và sản lượng điện lần lượt là 97.66 GW và 378.37Twh, đến 2030 là 136GW và 550.73 Twh, lần lượt tăng trưởng kép CAGR là 8.6% và 7.8% từng giai đoạn.

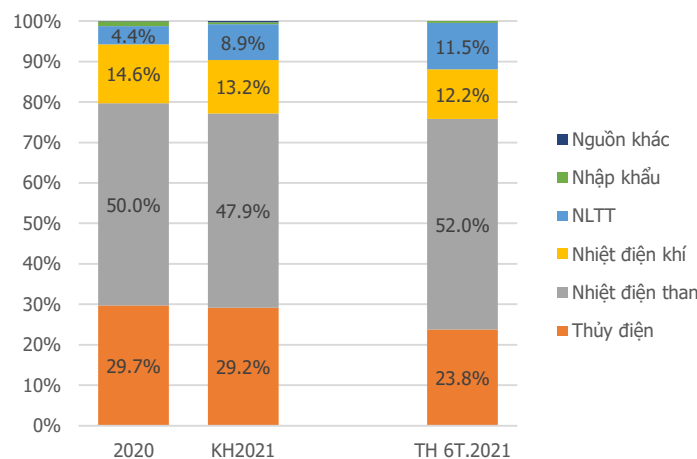
Cơ cấu tài sản và nguồn vốn



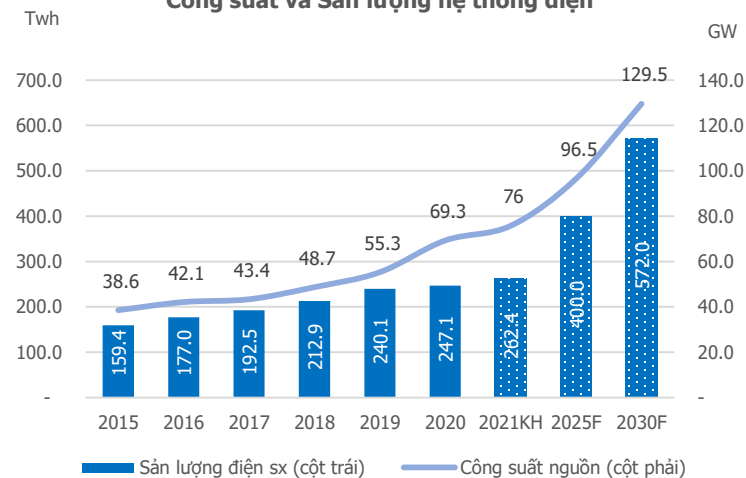
Lưu chuyển dòng tiền và khả năng trả cổ tức



Cơ cấu sản lượng hệ thống điện 2020-2021



Công suất và Sản lượng hệ thống điện



Nguồn: Bộ Công thương, EVN, QTP, Trung tâm nghiên cứu MBS

Dự báo kết quả kinh doanh cả năm 2021

- Sản lượng điện sản xuất trong 6 tháng đầu năm đạt 3.660 triệu kwh, hoàn thành 51% kế hoạch năm.
- Trong quý 3, khi bước vào mùa mưa, là mùa thấp điểm của các công ty nhiệt điện, từ đầu tháng 8, công ty đã thực hiện đại tu tổ máy 4, thời gian dự kiến 70 ngày. Sản lượng điện sản xuất dự kiến trong quý 3 đạt 1.500 triệu kwh.
- Chúng tôi dự báo sản lượng điện cả năm sẽ đạt mức 7.150 triệu kwh, hoàn thành 100% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu cả năm đạt mức 9.265 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 750 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 1.584 đồng.
- Trong các năm sau 2021, chúng tôi dự báo sản lượng điện của công ty sẽ đạt mức 7.200 triệu kwh trong 2022, tăng 1% và duy trì trong các năm tiếp theo.

Định giá cổ phiếu

Dựa trên dự báo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của QTP với doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 9.265 tỷ đồng và 750 tỷ đồng, EPS đạt 1.584 đồng/cổ phần. Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền vốn chủ sở hữu và so sánh PE, PB trung bình các doanh nghiệp nhiệt điện trên thị trường, giá trị cổ phiếu QTP xác định ở mức 19.500 đồng/cổ phần.

| Kết quả định giá | Giá trị (vnd/cp) |
|---------------------------|------------------|
| - DCF_FCFE | 25.400 |
| - PB | 16.690 |
| - PE | 16.300 |
| Giá trị trung bình | 19.500 |

Dự báo kết quả kinh doanh 2021F-2025F

| Kết quả kinh doanh | Đơn vị | 2020 | 2021E | 2022F | 2023F | 2024F | 2025F |
|--------------------------------|-----------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Sản lượng điện sản xuất | Triệu kwh | 6,387 | 7,150 | 7,222 | 7,222 | 7,222 | 7,222 |
| Doanh thu | Tỷ đồng | 9,182 | 9,265 | 9,862 | 10,018 | 10,176 | 10,337 |
| Tăng trưởng doanh thu | % | -9.3% | 0.9% | 6.4% | 1.6% | 1.6% | 1.6% |
| Giá vốn hàng bán | Tỷ đồng | -7,348 | -8,244 | -8,676 | -8,614 | -8,648 | -8,785 |
| Lợi nhuận gộp | Tỷ đồng | 1,834 | 1,021 | 1,186 | 1,404 | 1,528 | 1,552 |
| Doanh thu tài chính | Tỷ đồng | 49 | 50 | 53 | 56 | 60 | 63 |
| Chi phí tài chính | Tỷ đồng | -396 | -208 | -43 | -31 | -22 | -22 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tỷ đồng | -105 | -111 | -123 | -125 | -127 | -129 |
| Lợi nhuận hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 1,381 | 752 | 1,072 | 1,304 | 1,438 | 1,464 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1,375 | 750 | 1,071 | 1,303 | 1,437 | 1,463 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1,306 | 713 | 1,018 | 1,238 | 1,366 | 1,317 |
| Thu nhập mỗi cổ phần | đồng | 2,901 | 1,584 | 2,262 | 2,751 | 3,035 | 2,926 |

Định giá theo DCF

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Giá trị |
|--|-------------|---------------|
| Chi phí vốn chủ sở hữu | % | 12.98% |
| Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2027 | % | 1.00% |
| Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2021-2026 | tỷ đồng | 6,823 |
| Hiện giá dòng tiền sau năm 2026 | tỷ đồng | 4,187 |
| Tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn hiện tại | tỷ đồng | 1,528 |
| Giá trị Công ty | tỷ đồng | 12,538 |
| Nợ dài hạn hiện tại | tỷ đồng | 1,114 |
| Giá trị vốn chủ sở hữu | tỷ đồng | 11,424 |
| Số lượng cổ phần | triệu cp | 450 |
| Giá trị mỗi cổ phần | đồng | 25.387 |

Hệ số PE-PB ngành

| Mã CK | PE | PB |
|-------------------|--------------|-------------|
| PPC | 8.70 | 1.29 |
| HND | 10.80 | 1.53 |
| PGV | 8.03 | 1.40 |
| DTK | 12.66 | 1.16 |
| POW | 11.26 | 0.89 |
| BTP | 18.28 | 0.82 |
| QTP | 8.51 | 1.28 |
| Trung bình | 10.29 | 1.18 |

Nguồn: QTP, Trung tâm nghiên cứu MBS

CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (Upcom - QTP)



| Kết quả kinh doanh | 2020A | 2021F | 2022F | 2023F | 2024F |
|------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu | 9,182 | 9,265 | 9,862 | 10,018 | 10,176 |
| Giá vốn hàng bán | -7,348 | -8,244 | -8,676 | -8,614 | -8,648 |
| Lợi nhuận gộp | 1,834 | 1,021 | 1,186 | 1,404 | 1,528 |
| Doanh thu tài chính | 49 | 50 | 53 | 56 | 60 |
| Chi phí tài chính | -396 | -208 | -43 | -31 | -22 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -105 | -111 | -123 | -125 | -127 |
| Lợi nhuận kinh doanh thuần | 1,381 | 752 | 1,072 | 1,304 | 1,438 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1,375 | 750 | 1,071 | 1,303 | 1,437 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1,306 | 713 | 1,018 | 1,238 | 1,366 |

| Tài sản – Nguồn vốn | 2020A | 2021F | 2022F | 2023F | 2024F |
|-------------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Tài sản ngắn hạn | 4,269 | 4,658 | 4,988 | 5,304 | 6,571 |
| Tài sản dài hạn | 6,238 | 5,143 | 4,312 | 3,744 | 3,176 |
| Tổng tài sản | 10,508 | 9,802 | 9,300 | 9,049 | 9,747 |
| Nợ phải trả | 4,419 | 3,450 | 2,606 | 1,791 | 1,799 |
| I. Nợ phải trả ngắn hạn | 2,006 | 2,337 | 2,393 | 1,792 | 1,800 |
| II. Nợ phải trả dài hạn | 2,414 | 1,114 | 214 | 0 | 0 |
| Vốn chủ sở hữu | 6,088 | 6,351 | 6,694 | 7,257 | 7,948 |
| Tổng nguồn vốn | 10,508 | 9,802 | 9,300 | 9,049 | 9,747 |

| Hệ số tài chính | 2020A | 2021F | 2022F | 2023F | 2024F |
|-------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Hệ số lợi nhuận | | | | | |
| Biên lợi nhuận gộp | 20.0% | 11.0% | 12.0% | 14.0% | 15.0% |
| EBITDA Margin | 31.8% | 22.7% | 20.2% | 19.5% | 20.4% |
| Biên lợi nhuận ròng | 14.2% | 7.7% | 10.3% | 12.4% | 13.4% |
| ROE | 21.4% | 11.2% | 15.2% | 17.1% | 17.2% |
| ROA | 12.4% | 7.3% | 10.9% | 13.7% | 14.0% |
| Hệ số tăng trưởng | | | | | |
| Tăng trưởng doanh thu | -9% | 0.9% | 6.4% | 1.6% | 1.6% |
| Tăng trưởng LNNT | 108% | -45.4% | 42.8% | 21.6% | 10.3% |
| Tăng trưởng LNST | 101% | -45.4% | 42.8% | 21.6% | 10.3% |
| Tăng trưởng EPS | 101% | -45.4% | 42.8% | 21.6% | 10.3% |
| Hệ số thanh khoản | | | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | 2.13 | 1.99 | 2.08 | 2.96 | 3.65 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 1.87 | 1.74 | 1.83 | 2.62 | 3.31 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0.42 | 0.35 | 0.28 | 0.20 | 0.18 |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 0.73 | 0.54 | 0.39 | 0.25 | 0.23 |
| Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay | 4.47 | 4.61 | 25.75 | 42.93 | 66.11 |
| Hệ số định giá | | | | | |
| Lợi suất cổ tức | 5.7% | 5.7% | 8.5% | 8.5% | 8.5% |
| EPS (VND) | 2,901 | 1,584 | 2,262 | 2,751 | 3,035 |
| BVPS (VND) | 13,530 | 14,114 | 14,876 | 16,127 | 17,662 |

CONTACT: MBS EQUITY RESEARCH

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Dầu khí, Hóa chất

Chu Thế Huỳnh

(Huynh.ChuThe@mbs.com.vn – Tel: 0919336595)

Vật liệu xây dựng, Nhựa

Trần Thái Bình

(Binh.TranThai@mbs.com.vn -Tel 0336154669)

Tài chính, Ngân hàng

Dương Thiện Chí

(Chi.Duongthien@mbs.com.vn -Tel 0934977100)

Xây dựng, Bất động sản

Đình Công Luyện

(Luyen.DinhCong@mbs.com.vn – Tel: 0978877784)

Hàng tiêu dùng, Công Nghệ, Bán lẻ

Trần Minh Phương

(Phuong.TranMinh@mbs.com.vn – Tel: 0869083297)

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | DISCLAIMER

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HEAD OFFICE

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 4 3726 2600 – Fax: +84 4 3726 2600 | Website: www.mbs.com.vn